**ĐỀ CƯƠNG KTCT M-LN**

Câu 1: Tính **tất yếu khách quan** của phát triển KTTT định hướng XHCN ở VN?

Câu 2: Những **đặc trưng** của nền KTTT định hướng XHCN ở VN?

Câu 3: **Bản chất và biểu hiện** của lợi ích KT? **Vai trò** của lợi ích KT đối với các chủ thể KT-XH?

Câu 4: **Bản chất** và **các nhân tố ảnh hưởng** đến quan hệ lợi ích KT?

Câu 5: Một số quan hệ lợi ích cơ bản trong nền KTTT?

Câu 6: Tính tất yếu và nội dung CNH, HĐH ở Việt Nam?

Câu 7: Quan điểm và giải pháp để thực hiện CNH, HĐH ở VN trong bối cảnh cuộc CM công nghiệp lần thứ tư?

Câu 8: Phân tích tính tất yếu của hội nhập kinh tế quốc tế và những tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đối với VN?

**Câu 1: Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam?**

*\* K/N* Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: là đường lối chiến lược nhất quán, là mô hình kinh tế tổng quát trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Sự tất yếu đó xuất phát từ những lý do cơ bản:

*\* Một là, phát triển KTTT định hướng XHCN là phù hợp với tính quy luật phát triển khách quan.*

- Nền KTTT là nền kinh tế hàng hóa phát triển ở trình độ cao. Ở Việt Nam, các điều kiện cho sự hình thành và phát triển kinh tế hàng hóa luôn tồn tại. Do đó, sự hình thành kinh tế thị trường ở Việt Nam là tất yếu khách quan.

- Thực tiễn cho thấy, mặc dù KTTT TBCN đã đạt tới giai đoạn phát triển khá cao và phồn thịnh ở các nước tư bản phát triển, nhưng những mâu thuẫn vốn có của nó không thể nào khắc phục được trong lòng xã hội tư bản, nền KTTT TBCN đang có xu hướng tự phủ định, tự tiến hóa tạo ra những điều kiện cần và đủ cho một cuộc cách mạng xã hội - cách mạng xã hội chủ nghĩa.

=> nhân loại muốn tiếp tục phát triển thì không chỉ dừng lại ở KTTT TBCN. Việc lựa chọn mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN của Việt Nam là phù hợp với xu thế của thời đại và đặc điểm phát triển của dân tộc, không hề mâu thuẫn với tiến trình phát triển của đất nước.

*\* Hai là, do tính ưu việt của kinh tế thị trường trong thúc đẩy phát triển*

- Kinh tế thị trường là phương thức phân bổ nguồn lực hiệu quả, là động lực thúc đẩy LLSX phát triển nhanh và có hiệu quả. Dưới tác động của các quy luật thị trường, nền kinh tế luôn phát triển theo hướng năng động, kích thích tiến bộ kỹ thuật - công nghệ, nâng cao năng xuất lao động, chất lượng sản phẩm và giá thành hạ. Do đó, sự phát triển của KTTT không hề mâu thuẫn với mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Do vậy, trong thời kỳ quá độ lên CNXH cần phải phát triển KTTT, sử dụng KTTT làm phương tiện để thúc đẩy LLSX phát triển nhanh và có hiệu quả, thực hiện mục tiêu của CNXH là “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

- Tuy nhiên, trong quá trình phát triển kinh tế thị trường cần chú ý tới thất bại và khuyết tật của thị trường để có sự can thiệp, điều tiết kịp thời của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

=> Phát triển KTTT định hướng XHCN là sự lựa chọn cách làm, bước đi đúng quy luật kinh tế khách quan, là phương tiện cần thiết để đi đến mục tiêu của chủ nghĩa xã hội nhanh và có hiệu quả.

*\* Ba là, là mô hình KTTT phù hợp với nguyện vọng của nhân dân mong muốn dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.*

- Để hiện thực hóa khát vọng của nhân dân Việt Nam phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, việc thực hiện kinh tế thị trường mà trong đó hướng tới những giá trị mới đó là tất yếu khách quan.

- Mặt khác, kinh tế thị trường sẽ còn tồn tại lâu dài ở nước ta là một tất yếu khách quan, là sự cần thiết cho công cuộc xây dựng và phát triển. Với ý nghĩa đó, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam chúng ta phải làm một cuộc cách mạng về cách thức tổ chức nền kinh tế - xã hội, chuyển từ một nền kinh tế lạc hậu mang nặng tính tự cung, tự cấp sang nền kinh tế thị trường hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa. (Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa sẽ phá vỡ tính chất tự cấp, tự túc của nền kinh tế; đẩy mạnh phân công lao động xã hội, phát triển ngành nghề; tạo việc làm cho người lao động; thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ, khuyến khích ứng dụng kỹ thuật công nghệ mới bảo đảm tăng năng xuất lao động, tăng số lượng, chất lượng và chủng loại hàng hóa, dịch vụ góp phần từng bước cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân; thúc đẩy tích tụ và tập trung sản xuất, mở rộng giao lưu kinh tế giữa các vùng miền trong nước và ngoài nước; khuyến khích tính năng động, sáng tạo trong các hoạt động kinh tế; tạo cơ chế phân bổ và sử dụng các nguồn lực xã hội một cách hợp lý, tiết kiệm...) Như vậy, có thể xem phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là bước đi quan trọng nhằm xã hội hóa nền sản xuất xã hội, là bước đi tất yếu của sự phát triển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn, là bước quá độ để đi lên chủ nghĩa xã hội

**Câu 2: Đặc trưng của KTTT định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt** Nam

*\* Về mục tiêu*: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phương thức để phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

- Việt Nam đang ở chặng đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội nên kinh tế thị trường giúp kích thích sản xuất, khuyến khích sự năng động, sáng tạo của người lao động, giải phóng sức sản xuất, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo đảm từng bước xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

- cần hạn chế tính tự phát tư bản chủ nghĩa do cơ chế thị trường mang lại.

*\* Về quan hệ sở hữu và thành phần kinh tế*

- KTTT định hướng XNCH ở Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế (kinh tế nhà nước, kinh tế tư nhân,kinh tế tập thể, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài,…) trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể cùng với kinh tế tư nhân là nòng cốt để phát triển một nền kinh tế độc lập tự chủ. Các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác, cạnh tranh cùng phát triển theo pháp luật. Để đi lên chủ nghĩa xã hội cần phải phát triển kinh tế nhiều thành phần nhằm tạo động lực cạnh tranh cho nền kinh tế. => KTTT định hướng XNCH ở Việt Nam giúp phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

*\* Về quan hệ quản lý nền kinh tế*

- đặc trưng của quan hệ quản lý nền KT: Nhà nước quản lý và thực hành cơ chế quản lý là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, sự làm chủ và giám sát của nhân dân với mục tiêu dùng kinh tế thị trường để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội.

+ Đảng lãnh đạo nền KTTT định hướng XNCH qua cương lĩnh, đường lối phát triển kinh tế - xã hội và các chủ trương, quyết sách lớn

+ Nhà nước quản lý nền KTTT định hướng XNCH thông qua pháp luật, các chiến lược, kế hoạch, quy hoạch và cơ chế chính sách cùng các công cụ kinh tế. *\* Về quan hệ phân phối*

- Thực hiện phân phối công bằng các yếu tố sản xuất, tiếp cận và sử dụng các cơ hội và điều kiện phát triển của mọi chủ thể kinh tế; phân phối kết quả làm ra chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

- Thực hiện nhiều hình thức phân phối ở nước ta sẽ có tác dụng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội, góp phần cải thiện và nâng đời sống cho mọi tầng lớn nhân dân, bảo đảm công bằng xã hội trong sử dụng các nguồn lực kinh tế và đóng góp của họ trong quá trình lao động và sản xuất, kinh doanh.

*\* Về quan hệ giữa gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội.*

- Nền KTTT định hướng XNCH ở Việt Nam phải gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội; phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa - xã hội; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và từng giai đoạn phát triển của kinh tế thị trường.

- Đây là đặc trưng phản ánh thuộc tính quan trọng mang tính định hướng xã hội chủ nghĩa nền kinh tế thị trường ở Việt Nam. Bởi tiến bộ và công bằng xã hội là điều kiện bảo đảm cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế, là mục tiêu thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta phải hiện thực hóa từng bước trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Tóm lại: Với những đặc trưng trên, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là sự kết hợp những mặt tích cực của kinh tế thị trường với bản chất ưu việt của chủ nghĩa xã hội để hướng tới một nền kinh tế thị trường hiện đại, văn minh. Tuy nhiên, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đang trong quá trình hình thành và phát triển tất sẽ còn bộc lộ nhiều yếu kém cần phải khắc phục và hoàn thiện.

**Câu 3: Bản chất, biểu hiện của lợi ích kinh tế. Vai trò của lợi ích kinh tế đối với các chủ thể kinh tế XH**.

**a) Bản chất, biểu hiện của lợi ích kinh tế.**

*\*Khái niệm:*

- Lợi ích là sự thỏa mãn nhu cầu của con người mà sự thỏa mãn nhu cầu này phải được nhận thức và đặt trong mối quan hệ xã hội ứng với trình độ phát triển nhất định của nền sản xuất xã hội đó.

- Lợi ích kinh tế là lợi ích vật chất, lợi ích thu được khi thực hiện các hoạt động kinh tế của con người.

*\* Bản chất của lợi ích kinh tế*

- Lợi ích kinh tế phản ánh mục đích và động cơ của các quan hệ giữa các chủ thể trong nền sản xuất xã hội.

- Các thành viên trong xã hội xác lập các quan hệ kinh tế với nhau vì trong quan hệ đó hàm chứa những lợi ích kinh tế mà họ có thể có được. Các quan hệ xã hội luôn mang tính lịch sử, do vậy, lợi ích kinh tế trong mỗi giai đoạn cũng phản ánh bản chất xã hội của giai đoạn lịch sử đó.

*\* Biểu hiện của lợi ích kinh tế*:

Gắn với các chủ thể kinh tế khác nhau là những lợi ích tương ứng: chủ doanh nghiệp thì lợi ích trước hết là lợi nhuận, người lao động trước hết lợi ích kinh tế là tiền công. Tất nhiên, với mỗi cá nhân con người mặc dù có khi thực hiện hoạt động kinh tế không phải luôn đặt mục tiêu lợi ích vật chất lên hàng đầu; Song, về lâu dài đã tham gia vào hoạt động kinh tế thì lợi ích kinh tế là lợi ích quyết định.

**b) Vai trò của lợi ích kinh tế đối với các chủ thể kinh tế XH.**

*\* Lợi ích kinh tế là động lực trực tiếp của các chủ thể và hoạt động kinh tế - xã hội”*

- Con người tiến hành các hoạt động kinh tế trước hết là để thỏa mãn các nhu cầu vật chất, nâng cao phương thức và mức độ thỏa mãn các nhu cầu vật chất của mình.

- Về khía cạnh kinh tế, tất cả các chủ thể kinh tế đều hành động trước hết vì lợi ích chính đáng của mình. . Phương thức và mức độ thỏa mãn các nhu cầu vật chất trước hết phụ thuộc vào số lượng, chất lượng hàng hóa và dịch vụ mà xã hội có được.

- Theo đuổi lợi ích kinh tế chính đáng của mình, các chủ thể kinh tế đã đóng góp vào sự phát triển của nền kinh tế.

*\* Lợi ích kinh tế là cơ sở thúc đẩy sự phát triển các lợi ích khác.*

- Phương thức và mức độ thỏa mãn các nhu cầu vật chất còn phụ thuộc địa vị của con người trong hệ thống quan hệ sản xuất xã hội nên để thực hiện được lợi ích của mình các chủ thể kinh tế phải đấu tranh với nhau để thực hiện quyền làm chủ đối với tư liệu sản xuất

- Lợi ích kinh tế được thực hiện sẽ tạo điều kiện vật chất cho sự hình thành và thực hiện lợi ích chính trị, lợi ích xã hội, lợi ích văn hóa của các chủ thể xã hội.

- Lợi ích kinh tế mang tính khách quan và là động lực mạnh mẽ để phát triển kinh tế - xã hội.

- Chỉ khi có sự đồng thuận, thống nhất giữa các lợi ích kinh tế thì lợi ích kinh tế mới thực hiện được vai trò của mình. Ngược lại, việc theo đuổi những lợi ích kinh tế không chính đáng, không hợp lý, không hợp pháp sẽ trở thành trở ngại cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

**Câu 4: Bản chất và các nhân tố ảnh hưởng tới quan hệ lợi ích KT**

- Quan hệ lợi ích kinh tế là sự thiết lập những tương tác giữa con người với con người, giữa các cộng đồng người, giữa các tổ chức kinh tế, giữa các bộ phận hợp thành nền kinh tế, giữa con người với tổ chức kinh tế, giữa quốc gia với phần còn lại của thế giới nhằm mục tiêu xác lập các lợi ích kinh tế trong mối liên hệ với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và kiến trúc thượng tầng tương ứng của một giai đoạn phát triển xã hội nhất định.

**a) Bản chẩt**

*\* Sự thống nhất và mâu thuẫn trong các quan hệ lợi ích kinh tế*

- Sự thống nhất của quan hệ lợi ích kinh tế.

* Quan hệ lợi ích kinh tế thống nhất với nhau vì một chủ thể có thể trở thành bộ phận cấu thành của chủ thể khác. Do đó, lợi ích của chủ thể này được thực hiện thì lợi ích của chủ thể khác cũng trực tiếp hoặc gián tiếp được thực hiện.
* Trong nền kinh tế thị trường, sản lượng đầu ra và các yếu tố đầu vào đều được thực hiện thông qua thị trường. Nghĩa là, mục tiêu của các chủ thể chỉ được thực hiện trong mối quan hệ và phù hợp với mục tiêu của các chủ thể khác. Khi các chủ thể kinh tế hành động vì mục tiêu chung hoặc các mục tiêu thống nhất với nhau thì các lợi ích kinh tế của các chủ chể đó thống nhất với nhau.

- Sự mâu thuẫn trong quan hệ lợi ích kinh tế

* Các quan hệ lợi ích kinh tế mâu thuẫn với nhau vì các chủ thể kinh tế có thể hành động theo những phương thức khác nhau để thực hiện các lợi ích của mình. Sự khác nhau đó đến mức đối lập thì trở thành mâu thuẫn.
* Lợi ích của những chủ thể kinh tế có quan hệ trực tiếp trong việc phân phối kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cũng có thể mâu thuẫn với nhau vì tại một thời điểm kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là xác định
* Khi có mâu thuẫn thì việc thực hiện lợi ích này có thể sẽ ngăn cản, thậm chí làm tổn hại đến các lợi ích khác. Mâu thuẫn về lợi ích kinh tế là cội nguồn của các xung đột xã hội.

**b) Các nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ lợi ích kinh tế**

* *Thứ nhất*, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.Là phương thức và mức độ thỏa mãn các nhu cầu vật chất của con người, lợi ích kinh tế trước hết phụ thuộc vào số lượng, chất lượng hàng hóa và dịch vụ, mà điều này lại phụ thuộc vào trình độ phát triển lực lượng sản xuất.
* *Thứ hai*, địa vị của chủ thể trong hệ thống quan hệ sản xuất xã hội. Quan hệ sản xuất, mà trước hết là quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất, quyết định vị trí, vai trò của mỗi con người, mỗi chủ thể trong quá trình tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.
* *Thứ ba*, chính sách phân phối thu nhập của nhà nước. Sự can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế thị trường là tất yếu khách quan, bằng nhiều loại công cụ, trong đó có các chính sách kinh tế - xã hội.
* *Thứ tư*, hội nhập kinh tế quốc tế. Bản chất của kinh tế thị trưòng là mở cửa hội nhập. Khi mở cửa hội nhập, các quốc gia có thể gia tăng lợi ích kinh tế từ thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế. Đồng thời, Hội nhập kinh tế quốc tế sẽ tác động mạnh mẽ và nhiều chiều đến lợi ích kinh tế của các chủ thể.

**Câu 5: Một số quan hệ lợi ích kinh tế cơ bản trong nền KT thị trường**

1. ***quan hệ lợi ích giữa* người lao động và người sử dụng lao động.**
2. ***quan hệ lợi ích giữa* những người sử dụng lao động.**
3. ***quan hệ lợi ích giữa* những người lao động.**
4. ***quan hệ giữa lợi ích* cá nhân, lợi ích nhóm và lợi ích xã hội.**

***Một là*, quan hệ lợi ích giữa người lao động và người sử đụng lao động.**

* Người lao động là người có đủ thể lực và trí lực để lao động, tức là có khả năng lao động. Khi họ bán sức lao động sẽ nhận được tiền lương (hay tiền công) và chịu sự quản lý, điều hành của người sử dụng lao động.
* Người sử dụng lao động là chủ doanh nghiệp (nhà tư bản trong CNTB), cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động. Là người trả tiền mua hàng hóa sức lao động nên người sử dụng lao động có quyền tổ chức, quản lý quá trình làm việc của người lao động.
* Lợi ích kinh tế của người sử dụng lao động thể hiện tập trung ở lợi nhuận mà họ thu được trong quá trình kinh doanh.
* Lợi ích kinh tế của người lao động thể hiện tập trung ở thu nhập (tiền lương, tiền thưởng) mà họ nhận được từ việc bán sức lao động của mình cho người sử dụng lao động.
* Lợi ích kinh tế của người lao động và người sử dụng lao động có quan hệ chặt chẽ, vừa thống nhất, vừa mâu thuẫn với nhau:
  + - * Sự thống nhất về lợi ích kinh tế giữa người lao dộng và người sử dụng lao động thể hiện: nếu người sử dụng lao động thực hiện các hoạt động kinh tế trong điều kiện bình thường họ sẽ thu được lợi nhuận; đồng thời người lao động cũng thực hiện được lợi ích kinh tế của mình vì có việc làm, nhận được tiền lương.
      * Ngược lại, nếu người lao động tích cực làm việc, lợi ích kinh tế của họ được thực hiện thông qua tiền lương được nhận, thì cũng góp phần vào sự gia tăng lợi nhuận của người sử dụng

lao động

* + - * Tuy nhiên, quan hệ lợi ích kinh tế giữa người lao động và người sử dụng lao động còn có mâu thuẫn. Tại một thời điểm nhất định, thu nhập từ các hoạt động kinh tế là xác định nên lợi nhuận của người sử dụng lao động tăng lên thì tiền lương của người lao động giảm xuống và ngược lại.

***Hai là*, quan hệ lợi ích giữa những người sử dụng lao động.**

* Những người sử dụng lao động có quan hệ lợi ích kinh tế chặt chẽ với nhau. Trong cơ chế thị trường, những người sử dụng lao động vừa là đối tác, vừa là đối thủ của nhau, từ đó tạo ra sự thống nhất và mâu thuẫn về lợi ích kinh tế giữa họ.
* Những người sử dụng lao động không chỉ cạnh tranh trong cùng ngành, mà còn cạnh tranh giữa các ngành, bằng việc di chuyển vốn (tư bản) từ ngành này sang ngành khác.
* Sự thống nhất về lợi ích kinh tế làm cho những người sử dụng lao động liên kết chặt chẽ vói nhau, hỗ trợ lẫn nhau. Quan hệ chặt chẽ về lợi ích kinh tế giữa những người sử dụng lao động làm cho họ trở thành đội ngũ doanh nhân.

***Ba là*, quan hệ lợi ích giữa những người lao động.**

* Trong nền kinh tế thị trường, nhiều người muốn bán sức lao động. Để thực hiện lợi ích kinh tế của mình, người lao động không chỉ phải quan hệ với người sử dụng lao động, mà còn phải quan hệ với nhau. Khi có nhiều người bán sức lao động thì những người lao động này phải ***cạnh tranh với nhau.***
* Để ***hạn chế mâu thuẫn*** lợi ích kinh tế trong nội bộ, đặc trưng với những người sử dụng lao động, nhũng người lao động đã ***thành lập tổ chức riêng***. ***Sự đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau*** giữa những người lao động trong giải quyết các mối quan hệ là rất cần thiết nhưng phải dựa trên các quy định của pháp luật.

***Bốn là*, quan hệ giữa lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm và lợi ích xã hội.**

- Trong cơ chế thị trường, cá nhân tồn tại dưới nhiều hình thức. Người lao

động, người sử dụng lao động đều là thành viên của xã hội nên mỗi người đều có lợi ích cá nhân và có quan hệ chặt chẽ với lợi ích xã hội.

- Sự tồn tại và phát triển của cộng đồng, xã hội quyết định sự tồn tại, phát triển của cá nhân nên lợi ích xã hội đóng vai trò định hướng cho lợi ích cá nhân và các hoạt động thực hiện lợi ích cá nhân. Lợi ích xã hội là cơ sở của sự thống nhất giữa các lợi ích cá nhân, tạo ra sự thống nhất trong hoạt động của các chủ thể khác nhau trong xã hội. Ph. Ăngghen đã từng khẳng định: Ở đâu không có lợi ích chung thì ở đó không thể có sự thống nhất về mục đích và cũng không thể có sự thống nhất về hành động được.

- Các cá nhân, tổ chức hoạt động trong cùng ngành, cùng lĩnh vực, liên kết với nhau trong hành động để thực hiện tốt hơn lợi ích riêng (lợi ích cá nhân, tổ chức) của họ hình thành nên “lợi ích nhóm”. Đó là các hiệp hội ngành nghề, các tổ chức chính trị, xã hội, các nhóm dân cư chung một số lợi ích theo vùng, theo sở thích... Các cá nhân, tổ chức hoạt động trong các ngành, lĩnh vực khác nhau nhưng có mối liên hệ với nhau, liên kết với nhau trong hành động để thực hiện tốt hơn lợi ích riêng mình hình thành nên “nhóm lợi ích”.

- “Lợi ích nhóm” và “nhóm lợi ích” nếu phù hợp với lợi ích quốc gia, không gây tổn hại đến các lợi ích khác cần được tôn trọng, bảo vệ và tạo điều kiện vì đất nước có thêm động lực phát triển; ngược lại, khi chúng mâu thuẫn với lợi ích quốc gia, làm tổn hại các lợi ích khác thì cần phải ngăn chặn.

**Câu 6: Tính tất yếu và nội dung của CNH HĐH ở VN**

***1.Tính tất yếu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam***

*\* KN:* Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội, từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động với công nghệ, phương tiện, phương pháp tiên tiến hiện đại dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học công nghệ, nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

*\* CNH, HĐH ở nước ta có tính tất yếu khách quan bởi:*

- Xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội là một tất yếu khách quan, một quy luật kinh tế mang tính phổ biến và được thực hiện thông qua công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

* + - * Công nghiệp hóa là quá trình tạo ra động lực mạnh mẽ cho nền kinh tế. Thông qua công nghiệp hóa, các ngành, các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân được trang bị những tư liệu sản xuất, kỹ thuật công nghệ ngày càng hiện đại, từ đó nâng cao năng suất lao động, tạo ra nhiều của cải vật chất, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của con người.
      * Cơ sở vật chất - kỹ thuật được xem là tiêu chuẩn để đánh giá mức độ hiện đại của một nền kinh tế.
      * Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa có ý nghĩa quyết định thắng lợi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta
      * Mỗi bước tiến của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, là một bước tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH, đồng thời củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất XHCN, làm cho nền sản xuất xã hội không ngừng phát triển, đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của người dân không ngừng được nâng cao, trên cơ sở đó từng bước nâng dần trình độ văn minh của xã hội.

- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá để phát triển lực lượng sản xuất, nhằm khai thác, phát huy và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước, nâng cao dần tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế.

- Quá trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá làm cho khối liên minh công nhân, nông dân và trí thức ngày càng được tăng cường, củng cố, đồng thời nâng cao vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân.

- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá được thực hiện cũng sẽ tăng cường tiềm lực cho an ninh, quốc phòng, góp phần nâng cao sức mạnh của an ninh, quốc phòng, tạo điều kiện vật chất và tinh thần để xây dựng nền văn hoá mới và con người mới XHCN.

🡺Có thể nói công nghiệp hoá, hiện đại hoá là nhân tố quyết định sự thắng lợi của con đường đi lên CNXH mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn. Vì vậy, công nghiệp hóa, hiện đại hóa được Đảng và Nhà nước ta xác định là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH.

***2. Nội dung CNH, HĐH ở Việt Nam:***

*\* Tạo lập những điều kiện để có thể thực hiện chuyển đổi từ nền sản xuất - xã hội lạc hậu sang nền sản xuất - xã hội tiến bộ.*

*\* Thực hiện các nhiệm vụ để chuyển đổi nền sản xuất - xã hội hậu sang nền sản xuất - xã hội hiện đại :*

- Đẩy mạnh ứng dụng những thành tựu khoa học , công nghệ mới hiện đại: trang bị cơ sở vật chất , kỹ thuật ngày càng hiện đại cho nền sản xuất , thông qua việc thực hiện cơ khí hoá, điện khí hoá, tự động hoá .

• Đối với những nước còn kém phát triển , thực hiện cơ khí hóa để nâng cao năng suất lao động .

• Để phát triển LLSX , đòi hỏi xây dựng và phát triển ngành công nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất ( sản xuất máy cái)

• Phải ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ mới hiện đại vào tất cả các ngành , các vùng , các lĩnh vực của nền kinh tế, phù hợp với khả năng , trình độ và điều kiện thực tiễn trong từng giai đoạn, không chủ quan, nóng vội, không trì hoãn , cản trở việc ứng dụng khoa học, công nghệ mới , hiện đại trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá .

• Phải phát triển các ngành công nghiệp nhẹ , công nghiệp hàng tiêu dùng , công nghiệp thực phẩm ... theo hướng hiện đại , dựa trên cơ sở những thành tựu khoa học , công nghệ mới .

• Đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn, ứng dụng những thành tựu khoa học , công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp để nâng cao năng suất lao động , xây dựng nền nông nghiệp xanh , sạch , từng bước nâng cao đời sống người nông dân

• CNH, HĐH ở nước ta hiện nay phải gắn liền với phát triển kinh tế tri thức (Nền kinh tế tri thức là nền kinh tế trong đó sự sản sinh ra, phổ cập và sử dụng tri thức giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển kinh tế, tạo ra của cải, nâng cao chất lượng cuộc sống)

- Chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại , hợp lý và hiệu quả:

+ Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng hiện đại , hiệu quả chính là quá trình tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ , giảm tỷ trọng của ngành nông nghiệp trong GDP . Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong quá trình CNH, HĐH, phải gắn liền với sự phát triển của phân công lao động trong và ngoài nước , từng bước hình thành các ngành , các vùng chuyên môn hóa sản xuất để khai thác thế mạnh , nâng cao năng suất lao động , đồng thời phát huy nguồn lực của các ngành , các vùng và các thành phần kinh tế.

+ Việc xây dựng cơ cấu kinh tế là yêu cầu cần thiết và khách quan của mỗi nước trong thời kỳ công nghiệp hoá. Xây dựng một cơ cấu kinh tế được gọi là tối ưu khi nó đáp ứng được các yêu cầu sau:

• Khai thác, phân bổ và phát huy hiệu quả các nguồn lực trong nước, thu hút có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài để phát triển kinh tế - xã hội.

• Cho phép ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ mới, hiện đại vào các ngành, các vùng và các lĩnh vực của nền kinh tế.

• Phù hợp xu thế phát triển chung của nền kinh tế và yêu cầu của toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.

• Hệ thống cơ cấu kinh tế tồn tại trong một nền kinh tế quốc dân đồng nhất, không tách rời.

• Phải cung cố và tăng cùng địa vị chủ đạo của quan hệ sản xuất XHCN, tiến tới xác lập địa vị thống trị của quan hệ sản xuất XHCN trong toàn bộ nền kinh tế.)

\_ Quá trình xây dựng cơ cở vật chất - kỹ thuật, phát triển lực lượng sản xuất phải đảm bảo sự phù hợp với quan hệ sản xuất, đồng thời củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất XHCN, đảm bảo sự phù hợp trên cả ba mặt: quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất, quan hệ tổ chức quản lý và quan hệ phân phối, trao đổi.

**7. Quan điểm và giải pháp để thực hiện CNH, HĐH ở VN trong bối cảnh cuộc CM công nghiệp lần thứ tư)**

1. *Quan điểm về CNH, HĐH ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư:*

Thứ nhất, chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết, giải phóng mọi nguồn lực.

Thứ hai, các biện pháp thích ứng phải được được thực hiện đồng bộ, phát huy sức sáng tạo của toàn dân.

1. *CNH, HĐH ở Việt Nam thích ứng với Cách mạng công nghiệp lần thứ tư:*

*\* Thứ nhất, hoàn thiện thể chế, xây dựng nền kinh tế dựa trên nền tảng sáng tạo (3 ý):*

- Xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, thúc đẩy nghiên cứu và triển khai.

- Cải thiện khung pháp lý cho đổi mới sáng tạo, tăng nguồn vốn con người cho đổi mới sáng tạo. Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo trong khu vực doanh nghiệp.

- Thúc đẩy liên kết đổi mới sáng tạo. Phát huy vai trò của các trường đại học, viện, trung tâm nghiên cứu có chất lượng cao ở trong nước, kết nối với mạng lưới tri thức toàn cầu.

*\* Thứ hai, nắm bắt và đẩy mạnh việc ứng dụng những thành tựu của Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 (3 ý):*

- Huy động ở mức cao nhất các nguồn lực của Nhà nước, của toàn dân và nguồn lực quốc tế phục vụ cho nghiên cứu, triển khai, ứng dụng các thành tựu của cách mạng công nghiệp

- đòi hỏi các doanh nghiệp phải tối ưu hoá mô hình kinh doanh, với việc xây dựng dây truyền sản xuất hướng tới tự động hóa ngày càng cao

- tin học hoá quản lý, triển khai những kỹ năng mới cho tổ chức và cá nhân, xây dựng chuỗi cung ứng thông minh, đảm bảo an ninh mạng.

*\* Thứ ba, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để ứng phó với những tác động tiêu cực của cách mạng công nghiệp 4.0 ( 8 ý):*

- Xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật về công nghệ thông tin và truyền thông: Huy động các nguồn lực để phát triển hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông. Đẩy mạnh đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực công nghệ thông tin, tạo sự bứt phá về hạ tầng, ứng dụng và nhân lực Công nghệ thông tin, truyền thông. Phát triển hạ tầng kết nối số và đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

- Phát triển ngành công nghiệp.

* Phát triển ngành công nghiệp cơ khí, công nghiệp nhẹ, công nghiệp năng lượng, công nghiệp hoá chất, điện tử, công nghiệp vật liệu, công nghiệp hàng tiêu dùng, công nghiệp chế biến,…
* Phát triển có chọn lọc một số ngành, lĩnh vực công nghiệp hiện đại.
* Tập trung vào những ngành công nghiệp có tính nền tảng
* Xây dựng các khu công nghiệp, công nghệ cao, phù hợp với điều kiện và khả năng thực tế

- Đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn: Đẩy mạnh ứng dụng những thành tựu khoa học, công nghệ mới, công nghệ sinh học vào sản xuất nông nghiệp, từng bước xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ cho phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Cải tạo, mở rộng, nâng cấp và xây dựng mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội tạo điều kiện để thu hút đầu tư trong và ngoài nước: huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội để tập trung đầu tư, hình thành hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội với một số công trình hiện đại.

- Phát huy những lợi thế trong nước để phát triển du lịch, dịch vụ: Khai thác những tiềm năng và lợi thế trong nước để phát triển du lịch; Phát triển các dịch vụ hàng không, hàng hải, bưu chính - viễn thông, …

- Phát triển hợp lý các vùng lãnh thổ.

* Xây dựng và chuyển dịch cơ cấu vùng lãnh thổ phù hợp
* Liên kết, hỗ trợ các vùng trong nước đề phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội.
* Xây dựng và phát triển một số vùng kinh tế trọng điểm, làm động lực cho sự phát triển của các vùng khác.

- Phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao.

* Đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ lĩnh vực giáo dục, đào tạo
* Quy hoạch lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học
* Tăng cường đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực
* Tổ chức nghiên cứu khoa học và đào tạo.
* Coi trọng chính sách trọng dụng, thu hút nhân tài

- Tích cực, chủ động hội nhập quốc tế.

* tạo điều kiện thu hút các nguồn lực từ bên ngoài vào phát triển kinh tế trong nước
* từng bước tham gia vào phân công lao động quốc tế và chuỗi giá trị toàn cầu.
* Mở rộng quan hệ quốc tế trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, du lịch, văn hóa.
* Thực hiện đầy đủ các quy định và cam kết với các tổ chức kinh tế khu vực và toàn cầu như ASEAN, APEC, ASEM, WTO...
* Đẩy mạnh quan hệ hợp tác song phương, đa phương trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng đọc lập chủ quyền và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

**8. Phân tích tính tất yếu của hội nhập kinh tế quốc tế và những tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đối với VN**

**a) Tính tất yếu khách quan của hội nhập kinh tế quốc tế:**

*\* Khái niệm:* Hội nhập kinh tế quốc tế của một quốc gia là quá trình quốc gia đó thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế thế giới dựa trên sự chia sẻ lợi ích đồng thời tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung.

*\*Tính tất yếu khách quan của hội nhập kinh tế quốc tế:*

\_ Do xu thế khách quan trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế.

• Toàn cầu hóa là các thay đổi trong xã hội và trong nền kinh tế thế giới, tạo ra bởi mối liên kết và trao đổi ngày càng tăng giữa các quốc gia, các tổ chức hay các cá nhân ở góc độ văn hóa, kinh tế,… trên quy mô toàn cầu.diễn ra trên nhiều phương diện: kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội,v.v… Toàn cầu hóa đi liền với khu vực hóa, tạo cơ hội để các quốc gia giải quyết những vấn đề toàn cầu

\_ Hội nhập kinh tế quốc tế là phương thức phát triển phổ biến của các nước, nhất là các nước đang và kém phát triển trong điều kiện hiện nay: là cơ hội để tiếp cận và sử dụng được các nguồn lực bên ngoài của các nước cho phát triển của mình; là con đường có thể giúp cho các nước đang và kém phát triển rút ngắn khoảng cách với các nước tiên tiến, khắc phục nguy cơ tụt hậu ngày càng rõ rệt; tác động tích cực đến việc ổn định kinh tế vĩ mô, tạo ra nhiều cơ hội việc làm mới và nâng cao mức thu nhập tương đối của các tầng lớp dân cư.

*\* Nội dung hội nhập kinh tế quốc tế*

- Chuẩn bị các điều kiện để thực hiện hội nhập hiệu quả, thành công: cân nhắc lộ trình và cách thức tối ưu, chuẩn bị các điều kiện trong nội bộ nền kinh tế

- Thực hiện đa dạng các hình thức, các mức độ (từ thấp đến cao) hội nhập kinh tế quốc tế.

**b) Tác động vủa hội nhập kinh tế quốc tế đối với Việt nam:**

*\* Tác động tích cực của hội nhập kinh tế quốc tế:*

\_ Mở rộng thị trường để thúc đẩy thương mại phát triển, tạo điều kiện cho sản xuất trong nước tận dụng các lợi thế kinh tế của nước ta trong phân công lao động quốc tế, phục vụ cho các mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững và chuyển đổi mô hình tăng trưởng sang chiều sâu với hiệu quả cao.

\_ Tạo động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hợp lý , hiện đại và hiệu quả hơn

\_ Nâng cao trình độ của nguồn nhân lực và tiềm lực khoa học công nghệ quốc gia.

\_ Tăng cơ hội cho các doanh nghiệp trong nước tiếp cận thị trường quốc tế, nguồn tín dụng và các đối tác quốc tế để thay đổi công nghệ sản cuất, tiếp cận với phương thức quản trị phát triển để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế.

\_ Tạo cơ hội để cải thiện tiêu dùng trong nước; được tiếp cận và giao lưu nhiều hơn với thế giới bên ngoài, từ đó có cơ hội tìm kiếm việc làm cả ở trong lẫn ngoài nước.

\_ Tạo điều kiện để các nhà hoạch định chính sách nắm bắt tốt hơn tình hình và xu thế phát triền của thế giới, từ đó xây dựng và điều chỉnh, đề ra chính sách phát triển phù hợp cho đất nước.

\_ Tạo tiền đề cho hội nhập về văn hóa, tạo điều kiện để tiếp thu những giá trị tinh hoa của thế giới

\_ Tác động mạnh mẽ đến hội nhập chính trị, tọa điều kiện cho cải cách toàn diện hướng tới xây dựng một nhà nước pháp quyền xã hội chu nghĩa, xây dựng một xã hội mở, dân chủ, văn minh.

\_ Tạo điều kiện để mỗi nước tìm cho mình một vịt trí thích hợp trong trật tự quốc tế, nâng cao vai trò, uy tín và vị thế quốc tế của nước ta trong các tổ chức chính trị, kinh tế toàn cầu.

\_ Đảm bảo an minh quốc gia, duy trì hòa bình, ổn định ở khu vực và quốc tế, mở ra khả năng phối hợp với các nước để giải quyết những vấn đề quan tâm chung

*\*Tác động tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế:*

\_ Làm gia tăng sự canh tranh gay gắt khiến nhiều doanh nghiệp và ngành kinh tế nước ta gặp nhiều khó khăn trong phát triển.

\_ Làm gia tăng sự phụ thuộc của nền kinh tế quốc gia vào thị trường bên ngoài, khiến nền kinh tế dễ bị tổn thương trước những biến động khôn lường về chính trị, kinh tế và thị trường quốc tế.

\_ Phân phối không công bằng lợi ích và rủi ro, có nguy cơ làm tăng khoảng các giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội.

\_ Các nước đang phát triển phải đối mặt với nguy cơ chuyển dịch cơ cấu kinh tế , dễ trở thành bãi thải công nghiệp và công nghệ thấp, bị cạn kiệt nguồn tài nguyên và hủy hoại môi trường mức độ cao.

\_ Tạo ra một số thách thức đối với quyền lực Nhà nước, chủ quyền quốc gia và phát sinh nhiều vấn đề phức tạp đối với việc duy trì an ninh và ổn định trật tự, an toàn xã hội.

\_ Làm gia tăng nguy cơ bản sắc dân tộc và văn hóa truyền thống Việt Nam bị xói mòn trước sự du nhập của văn hóa nước ngoài.

\_ Làm tăng nguy cơ gia tăng của tình trạng khủng bố quốc tế, buôn lậu tội phạm xuyên quốc gia, dịch bệnh, nhập cư bất hợp pháp…